

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ T  
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2020/DS-ST

Ngày: 03/7/2020

V/v: “*Tranh chấp*

*hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH QUẢNG NAM**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đinh Thị Huỳnh Lý.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Phi Tiến.
2. Ông Nguyễn Văn Thông.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Thu Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa:* bà Đỗ Thị Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 188/2019/TLST-DS ngày 13/12/2019, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2019/QĐXXST - DS ngày 19 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2020/QĐST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Minh H, sinh năm: 1961; Địa chỉ: Số 287/4 Trần C, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Luật sư Ngô T, sinh năm 1977; Địa chỉ: số 02 đường Châu Văn L, phường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm: 1969; Địa chỉ: thôn T1, xã B, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh H và tại phiên tòa hôm nay đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông Ngô T trình bày:*

Do có mối quan hệ quen biết nên bà Nguyễn Thị Minh H có cho bà Nguyễn Thị K mượn tiền nhiều lần cụ thể như sau: Ngày 26-7-2019 bà Nguyễn Thị K

mượn của bà H số tiền 140.000.000đ, hạn mượn trong vòng 15 ngày bà K sẽ trả. Ngày 26-9-2019 bà Nguyễn Thị K mượn của bà H số tiền 200.000.000đ, thời hạn mượn đến 16-10-2019. Ngày 30-9-2019 bà Nguyễn Thị K mượn của bà H 02 lần, lần 1 số tiền 50.000.000đ, thời hạn mượn đến 10-10-2019, lần 02 số tiền 82.000.000 đồng không có thời gian trả. Khi vay hai bên không thỏa thuận lãi suất. Tuy nhiên, đến thời hạn trả nợ, bà H yêu cầu trả nợ nhiều lần nhưng bà K không trả. Bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà K phải thanh toán số nợ gốc là 472.000.000 đồng, quá trình giải quyết vụ án bà K cho rằng đã trả được 23.200.000 đồng nợ gốc nên bà H yêu cầu trả số tiền gốc còn lại là 448.800.000 đồng và bổ sung yêu cầu tính lãi tạm tính đến ngày 14-02-2020 và lãi phát sinh cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bà Nguyễn Thị K phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Minh H số nợ gốc còn lại là 448.800.000 đồng và nợ lãi cho đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 10%/năm, thời gian yêu cầu tính lãi đối với khoản tiền mượn vào ngày 26-7-2019 là ngày 12-8-2019, thời gian yêu cầu tính lãi đối với khoản tiền mượn vào ngày 26-9-2019 là ngày 17-10-2019, thời gian yêu cầu tính lãi đối với khoản tiền mượn vào ngày 30-9-2019 là ngày 11-10-2019.

*Bị đơn bà Nguyễn Thị K trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa:* bà K đồng ý có mượn của bà H tổng cộng số tiền 472.000.000 đồng như bà H trình bày. Tuy nhiên, sau khi mượn bà K có chuyển khoản trả cho bà H được số tiền 23.200.000 đồng vào ngày 09-9-2019, chỉ còn nợ lại bà H 448.800.000 đồng. Bà K đồng ý trả số tiền còn nợ cho bà H nhưng yêu cầu được trả dần vì kinh tế khó khăn. Về yêu cầu trả lãi bà K không đồng ý vì cho rằng quá trình mượn tiền bà K đã trả lãi cho bà H theo mức lãi là 09 triệu đồng một tháng đối với số tiền gốc 100.000.000 đồng và bà K trả hàng tháng cho đến khi bà H khởi kiện thì bà K mới không tiếp tục trả lãi, việc trả lãi bà K trả trực tiếp cho bà H chứ không có viết giấy tờ gì, mức lãi suất như vậy cũng là do hai bên thỏa thuận miệng với nhau chứ không thể hiện trong giấy mượn tiền.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng pháp luật; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Về nội dung, đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Minh H, buộc bà Nguyễn Thị K phải trả cho bà H số tiền 448.800.000 đồng nợ gốc và tiền lãi đến ngày xét xử theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Minh H có đơn khởi kiện đối với bà Nguyễn Thị K, hiện trú tại: thôn T1, xã B, thành phố T, tỉnh Quảng Nam, lý do khởi kiện là bị đơn không trả khoản tiền nợ đã mượn của nguyên đơn. Vì vậy việc khởi kiện của bà Nguyễn Thị Minh H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam là đúng thẩm quyền và đúng quan hệ pháp luật tranh chấp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét hợp đồng vay tài sản giữa bà Nguyễn Thị Minh H và bà Nguyễn Thị K thì thấy rằng: Hợp đồng được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không ép buộc hoặc lừa dối. Trong giấy mượn tiền có thể hiện rõ ngày 26-7-2019 bà Nguyễn Thị K mượn của bà H số tiền 140.000.000đ, hạn mượn trong vòng 15 ngày bà K sẽ trả. Ngày 26-9-2019 bà Nguyễn Thị K mượn của bà H số tiền 200.000.000đ, thời hạn mượn đến 16-10-2019. Ngày 30-9-2019 bà Nguyễn Thị K mượn của bà H 02 lần, lần 1 số tiền 50.000.000đ, thời hạn mượn đến 10-10-2019, lần 02 số tiền 82.000.000 đồng không có thời gian hạn trả. Sau khi mượn tiền ngày 09-9-2019 bà K có chuyển khoản cho bà H số tiền 23.200.000 đồng. Mặc dù bà H cho rằng số tiền này là bà K trả cho bà trong khoản nợ khác nhưng bà H không xuất trình được chứng cứ chứng minh nên bà H đồng ý xác nhận số tiền đã trả này là khoản nợ gốc của khoản tiền 140.000.000 đồng mượn vào ngày 26-7-2019. Số nợ còn lại hiện nay là 448.800.000 đồng hai bên đều thừa nhận.

Sau các ngày hạn trả nợ trong giấy mượn tiền đến nay bà K không trả nợ theo thỏa thuận là đã vi phạm hợp đồng giao kết giữa hai bên và vi phạm quy định tại Điều 401, 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Việc bà H khởi kiện bà K yêu cầu trả khoản nợ 448.800.000 đồng là có cơ sở phù hợp với quy định tại Điều 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đối với yêu cầu tính lãi, bà H yêu cầu 10%/năm, theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự thì lãi suất mà bà H yêu cầu này không vượt quá 50% mức lãi suất giới hạn quy định, do đó lãi suất được xác định là 10%/năm vì vậy yêu cầu tính lãi của bà H có cơ sở để chấp nhận, cụ thể như sau:

- Đối với số tiền mượn vào ngày 26-7-2019 là 140.000.000đ, hạn mượn trong vòng 15 ngày bà K sẽ trả, tuy nhiên đến ngày 09-9-2019 bà K trả được 23.200.000 đồng, còn lại số tiền nợ là 116.800.000 đồng. Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 12-8-2019 đến hết ngày ngày xét xử sơ thẩm 03-7-2020 của khoản tiền 116.800.000 đồng là có cơ sở để chấp nhận, cụ thể là 10 tháng 21 ngày tương ứng với tiền lãi là 10.414.333 đồng.

- Đối với số tiền mượn vào ngày 26-9-2019 bà Nguyễn Thị K mượn của bà H số tiền 200.000.000đ, thời hạn mượn đến 16-10-2019. Do vậy tiền lãi được tính từ ngày 17-10-2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 03-7-2020 là 8 tháng 14 ngày tương ứng với số tiền lãi 14.111.110 đồng.

- Đối với số tiền mượn vào ngày 30-9-2019 bà Nguyễn Thị K mượn của bà H số tiền 50.000.000đ, thời hạn mượn đến 10-10-2019. Do vậy tiền lãi được tính từ

ngày 11-10-2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 03-7-2020 là 8 tháng 8 ngày tương ứng với số tiền lãi là 3.444.443 đồng.

- Đối với số tiền mượn vào ngày 30-9-2019 bà Nguyễn Thị K mượn của bà H số tiền 82.000.000đ, không có thời hạn mượn nên tiền lãi được tính kể từ ngày bà H biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm và có đơn khởi kiện, ngày bà H khởi kiện 17-10-2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 03-7-2020 là 8 tháng 14 ngày tương ứng với số tiền lãi là 5.785.554 đồng.

Tổng cộng lãi 33.755.440 đồng.

Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Minh H, buộc bà Nguyễn Thị K phải trả cho bà Nguyễn Thị Minh H số tiền nợ gốc 448.800.000 đồng và tiền lãi tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm ngày 03-7-2020 là 33.755.440 đồng.

Bà Nguyễn Thị K cho rằng bà K không đồng ý trả khoản tiền lãi như bà H yêu cầu vì quá trình mượn tiền bà K đã trả lãi cao với số tiền 9.000.000 đồng/tháng/100.000.000 đồng tiền gốc. Tuy nhiên, bà K không xuất trình được chứng cứ chứng minh cho việc đã trả lãi như vậy, hơn nữa bà H cũng không thừa nhận đã nhận tiền lãi của bà K với mức lãi suất như bà K trình bày nên không có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về án phí dân sự sơ thẩm: vì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị K phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì những lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 26, 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, các Điều 401, 463, 465, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh H, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” với bị đơn bà Nguyễn Thị K.

Buộc bà Nguyễn Thị K phải trả cho bà Nguyễn Thị Minh H số tiền 482.555.440 đồng (*Bốn trăm tám mươi hai triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn bốn trăm bốn mươi đồng*) trong đó nợ gốc 448.800.000đồng (*bốn trăm bốn mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng*) và tiền lãi đến hết ngày xét xử sơ thẩm 03-7-2020 là 33.755.440 đồng (*Ba mươi ba triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn bốn trăm bốn mươi đồng*)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bà Nguyễn Thị Minh H có đơn yêu cầu thi hành án mà bà Nguyễn Thị K không trả khoản tiền trên thì phải chịu tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm 23.302.217 đồng (*Hai mươi ba triệu ba trăm lẻ hai nghìn hai trăm mười bảy đồng*) bà Nguyễn Thị K phải chịu.

Hoàn lại cho Bà Nguyễn Thị Minh H số tiền tạm ứng án phí 11.440.000 đồng theo biên lai thu số 0000054 ngày 13 tháng 12 năm 2019 và số tiền tạm ứng án phí 448.600 đồng theo biên lai thu số 0000163 ngày 14 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 03-7-2020.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND thành phố Tam Kỳ;
- Cơ quan THADS TP Tam Kỳ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Đinh Thị Huỳnh Lý**